

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày 05 tháng 01 năm 2018

" V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Ngạn ;

2. Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2017/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2017/QĐXXST- HNGĐ, ngày 29 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/ QĐST- HNGĐ ngày 19/12/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Tiến T, sinh năm 1991.

- Bị đơn: Chị Lê Thị S, sinh năm 1993.

Đều có địa chỉ: Thôn PQ, xã CD huyện CG, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2017 và các bản khai tại Tòa án, nguyên đơn là anh Vũ Tiến Tùng trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị S tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 21/7/2010 tại UBND xã xã CD huyện CG, tỉnh Hải Dương, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, có lối sống trái ngược nhau, không tôn trọng nhau dẫn đến thường xuyên cãi nhau, chị S không chịu khó làm ăn, không chăm lo cho gia đình mà thường xuyên đi chơi bời, ăn uống hát hò đến khuya mới về nhà, ngoài ra thường xuyên nhắn tin với người đàn ông khác dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Hai bên gia đình khuyên bảo nhưng chị S không nghe luôn làm theo ý mình, có thái độ hỗn láo với chồng và gia đình chồng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình, vợ chồng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm, anh T xin ly hôn chị S.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Tiến M, sinh ngày 09/9/2010 và Vũ Thị Trà M2, sinh ngày 04/11/2013. Hiện nay hai con chung đang do bố mẹ đẻ chị S ở xóm N, xã P, huyện N S, tỉnh Thanh Hóa trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng. Anh T đề nghị giao cho chị S nuôi hai con chung, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S cho mỗi con số tiền 1.000.000đ/tháng.

Bị đơn(chị S) trình bày: Chị công nhận điều kiện và thời gian kết hôn của vợ chồng theo như anh T trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, có lối sống trái ngược, không tìm được tiếng nói chung, không khí trong gia đình luôn căng thẳng, không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Tháng 3 năm 2017 anh T thuê nhà ở thôn Tiên, Thị trấn Lai Cách để sinh sống không sống chung cùng chị, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau, chị không nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ gia đình để cùng nuôi dạy con chung. Nếu anh T cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết. Hiện nay chị không có thai, không nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Tiến M, sinh ngày 09/9/2010 và Vũ Thị Trà M2, sinh ngày 04/11/2013. Vì đi làm công nhân và làm theo ca nên không thể trông nom được con, chị có đưa hai con về quê từ tháng 2 năm 2017 để nhờ bố mẹ đẻ trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giúp. Chị xin nuôi 02

con và nhất trí với sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng cho mỗi con 1.000.000đ/ tháng.

- *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Anh T, chị S không yêu cầu giải quyết.

Chị S đã nhận được giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 2 nhưng không tham gia.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Vũ Tiến T2 (bố đẻ anh T) và bà Đinh Thị L (mẹ đẻ chị S) đều trình bày: Anh T, chị S tự nguyện kết hôn năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã CD huyện CG, tỉnh Hải Dương. Hiện anh T, chị S đang sống tại Hải Dương và ly thân.

Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Tiến M, sinh ngày 09/9/2010 và Vũ Thị Trà M2, sinh ngày 04/11/2013 vì điều kiện anh T và chị S khó khăn trong việc nuôi con nên gia đình bà đang trông nom nuôi dưỡng các cháu hộ. Trường hợp Tòa án giao con cho chị S nuôi, gia đình bà có đủ điều kiện để chăm sóc các cháu.

Cháu M có nguyện vọng được ở với mẹ và ông bà ngoại.

Xác minh tại UBND xã CD cung cấp: Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh T là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ khoảng cuối năm 2016, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, không có khả năng đoàn tụ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn(anh T) đề nghị

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh T xin ly hôn chị S;

- *Về quan hệ con chung:* Anh T tự nguyện để cho chị S nuôi hai con chung, tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị S cho mỗi con số tiền 1.000.000đ/tháng.

- *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn(chị S) đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Cẩm Giàng phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ “phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án” theo quy định tại khoản 16 Điều 70 BLTTDS.

* Hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tùng, xử cho anh Vũ Tiến T ly hôn chị Lê Thị S.

- Về con chung: Giao cháu Vũ Tiến M, sinh ngày 09/9/2010 và Vũ Thị Trà M2, sinh ngày 04/11/2013 cho chị S nuôi dưỡng, đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung số tiền 2.000.000đ/02 con/tháng cho đến khi con thành niên.

- Về Án phí: Anh T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp và phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng; Chị S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, vắng mặt. Vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

{2} Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Tiến T và chị Lê Thị S tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã xã CD huyện CG, tỉnh Hải Dương. ngày 21/7/2010 là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không thông cảm cho nhau trong cuộc sống, không bàn bạc để cùng xây dựng kinh tế gia đình, nghi ngờ nhau trong quan hệ tình cảm. Vợ chồng sống ly thân từ khoảng đầu năm 2017 đến nay. Chị S đề nghị hòa giải, nhưng khi Tòa án

tiến hành hòa giải chị không tham gia, chứng tỏ chị S không có ý thức hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vợ chồng sống ly thân đã nhiều tháng nay, không quan tâm đến nhau, mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Qua xác minh tại địa phương và lời trình bày của bố mẹ anh T và bố mẹ chị S đều xác định vợ chồng đã sống ly thân nhiều tháng nay, khó có khả năng đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Tiến M, sinh ngày 09/9/2010 và Vũ Thị Trà M2, sinh ngày 04/11/2013, chị S có nguyện vọng nuôi hai con, anh T nhất trí và tự nguyện cấp dưỡng cho mỗi con 1.000.000đ/tháng. Các con đang sinh sống và học tập ổn định tại gia đình bố mẹ đẻ chị S, cháu M có nguyện vọng ở với mẹ và ông bà ngoại, bố mẹ đẻ chị S cam đoan đủ điều kiện để chăm sóc các con giúp chị S. Xét thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nhằm ổn định, tránh xáo trộn, HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị S giao hai con chung cho chị S nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng cho mỗi con 1.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải xem xét giải quyết.

{3} Về án phí: Anh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Vũ Tiến T ly hôn chị Lê Thị S.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao hai con chung là Vũ Tiến M, sinh ngày 09/9/2010 và Vũ Thị Trà M2, sinh ngày 04/11/2013 cho chị Lê Thị S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên(đủ 18 tuổi).

2.1 Chấp nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị

Scho con Vũ Tiến M 1.000.000đ/tháng và Vũ Thị Trà M2 1.000.000đ/ tháng từ tháng 01 năm 2018 cho đến khi con chung Vũ Tiến M và Vũ Thị Trà M2 đủ 18 tuổi.

Chị S cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội. Anh Vũ Tiến T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2016/0001850 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng. Anh T đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh T còn phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Lê Thị S vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND huyện CG;
- UBND xã CD huyện CG, tỉnh Hải
- Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Lưu hồ sơ vụ án; Văn phòng TAND huyện Cẩm Giàng..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

